

BIẾN CỐ THÁNG 8-1945 VÀ CUỘC KHÁNG CHIẾN CUỐI CÙNG CHỐNG THỰC DÂN PHÁP.

Thiện Ý

Tháng 8 năm 1945, là một tháng có nhiều biến cố trên chính trường Việt Nam, tạo một khúc quanh quan trọng đối với vận mệnh dân tộc và đất nước Việt Nam chúng ta.

I. TỪ BIẾN CỐ THÁNG 8 NĂM 1945.

Tháng 8 năm 1945 đảng Cộng sản Việt Nam (CSVN) đã lợi dụng thời cơ cướp chính quyền từ tay chính quyền chính thống quốc gia, với chính phủ Trần Trọng Kim mới tiếp nhận độc lập từ tay Nhật, ép của Vua Bảo Đại thoái vị. Việt Minh cộng sản gọi cuộc cướp chính quyền không đổ máu này là “**Cách mạng Tháng 8**” như là cuộc “**Cách mạng Tháng 10 Nga**” của đảng cộng sản Bolsevick Nga lật đổ chế độ Nga Hoàng cướp chính quyền năm 1917. Nhưng người Việt quốc gia chỉ coi là một “**Biến cố lịch sử**” và có lẽ chính sử dân tộc sau này (*khác với lịch sử do đảng CSVN viết*) cũng sẽ viết khách quan với tiêu đề “**Việt Minh cộng sản cướp chính quyền Tháng 8 Năm 1945**”, đã đưa Việt Nam vào một khúc quanh mới đầy bất trắc và di hại nhiều mặt cho dân tộc và đất nước.

Thật vậy, trong Thế Chiến II (1939-1945) Việt Nam cũng không thoát khỏi tham vọng xâm lăng của quân phiệt Nhật thuộc Phe Trục (*gồm Đức, Ý, Nhật*), đối đầu với phe Đồng Minh (*gồm Mỹ, Anh, Pháp, Nga*). Ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật đảo chính Pháp, chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim được thành lập, tạm thời chấm dứt hơn 80 năm đô hộ của thực dân Pháp trên nguyên tắc; nhưng thực tế lại rơi vào thế kìm kẹp của quân phiệt Nhật, với chủ nghĩa Đại Đông Á và khẩu hiệu tuyên truyền lừa mị “*Châu Á của người Á Châu*”.

Sau khi hai trái bom nguyên tử Mỹ ném xuống hai thành phố Hiroshima và Nagazhaki ngày 13 tháng 8 năm 1945, đã đưa đến sự đầu hàng đồng minh vô điều kiện của quân phiệt Nhật, kéo theo sự tồn tại bấp bênh của chính phủ Trần Trọng Kim được thành lập trước đó 4 tháng. Tình hình lúc này, theo sử gia Phạm Văn Sơn, thì tại Bắc Việt hai lực lượng cách mạng quốc gia và cộng Sản tranh nhau nắm chính quyền.

Một bên là “Đại Việt Quốc Gia Liên Minh, một mặt trận quốc gia gồm nhiều đảng phái và quan trọng hơn cả là Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đại

Việt Quốc Xã của các ông Nhuộng Tống, Nguyễn Ngọc Sơn, Nguyễn Xuân Tiếu.....” .

Bên kia là “*Mặt Trận Việt Minh do các lãnh tụ Đông Dương Cộng Sản đảng là Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp điều khiển. Dân chúng hưởng cả về các lực lượng và trong khi Việt Nam như là cái nhà bỏ ngõ, dĩ nhiên ai vào trước thì người ấy làm chủ. Việt Minh nhờ có nhiều kỹ thuật đấu tranh cách mạng và thủ đoạn sâu sắc, đã đi bước trước giành được chính quyền, sau khi tổ chức được nhiều cuộc biểu tình cổ động quần chúng từ ngày 15 tháng 8 năm 1945 đến ngày 19 tháng 8 năm 1945, nắm được hậu thuẫn của các tầng lớp dân chúng...”*

Hồ Chí Minh và đảng CSVN đã lợi dụng tình hình tranh tối tranh sáng, cướp chính quyền vào ngày 15 tháng 8, nhờ thủ thuật tuyên truyền lừa mị và kinh nghiệm đấu tranh lật đổ, nên đã huy động được sức mạnh của công chức và quần chúng trong một cuộc biểu tình trước Nhà Hát Lớn Hà Nội; nên thay vì đề ủng hộ chính phủ quốc gia Trần Trọng Kim mới được Nhật trao trả độc lập trên nguyên tắc, thì thực tế đã biến thành cuộc biểu tình ủng hộ Mặt Trận Việt Minh (tên viết tắt Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh hội, một tổ chức do đảng CSVN lập ra làm mặt nạ ẩn mình) cướp chính quyền. Sau đó, Việt Minh cộng sản tiếp tục tổ chức các cuộc biểu tình tương tự, từ ngày 15 tháng 8 đến ngày 19-8 năm 1945, cướp chính quyền ở nhiều nơi trên cả nước.

Ngày 25 tháng 8 năm 1945, vua Bảo Đại, vị vua cuối cùng của triều đại quân chủ chuyên chế Việt Nam, dưới áp lực của Việt Minh đã tuyên bố thoái vị, và một chính phủ lâm thời liên hiệp Quốc-Cộng do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, ra mắt quốc dân ngày 2 tháng 9, với bản tuyên ngôn độc lập thành lập nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Đây là một sự liên hiệp bất đắc dĩ về phía Việt quốc (*gọi tắt phe người Việt quốc gia*) do tình thế chằng đặng dừng. Trong khi về phía Việt Minh cộng sản việc thành lập chính phủ liên hiệp chỉ là thủ đoạn chính trị có tính giai đoạn, khi họ còn yếu kém thế lực, chưa đủ uy tín quốc tế và để có thêm thời gian củng cố thế lực đủ mạnh sẽ quay lại tiêu diệt các chính đảng và các nhà ái quốc theo ý thức hệ quốc gia. Trong thời khoảng này, sử gia Phạm Văn Sơn đã ghi nhận:

“Các đảng phái quốc gia đối với cuộc chuyển biến chính trị này và nội các Trần Trọng Kim đều có vẻ dè dặt, nhất là đối với người Nhật tuy vẫn có sự giao thiệp công khai với họ. Riêng mặt trận Việt Minh là hoạt động hơn cả. Họ tuyên truyền âm ỉ trong dân chúng, ám sát một số mật thám của chính phủ Pháp và tung ra khẩu hiệu “Đánh Nhật đuổi Pháp”. Giữa lúc

này dân chúng Việt Nam đã bắt đầu đánh nhiều dấu hỏi về nền độc lập vừa trao cho họ trước sự lúng túng giữa chính phủ Trần và Đại Bản Doanh Thiên Hoàng sau khi đã xảy ra một vài việc bất đồng ý kiến...’’.

Có thể nói đây là thời kỳ xung đột quyết liệt và đẫm máu nhất trong giai đoạn tiền chiến tranh Quốc-Cộng (1930-1954) giữa các chính đảng quốc gia với đảng CSVN, để giành quyền chủ đạo kháng chiến chống Pháp. Thời kỳ này đảng CSVN còn rất yếu kém so với lực lượng các chính đảng quốc gia, nên lãnh tụ CS Hồ Chí Minh đành phải chấp nhận thành lập một chính phủ liên hiệp Quốc-Cộng. Ông Hồ Chí Minh nắm chức Chủ tịch Chính Phủ Lâm Thời, ông Nguyễn Hải Thần được cử làm Phó Chủ tịch, ông Nguyễn Tường Tam (*tức nhà văn Nhất Linh*) giữ chức Bộ Trưởng Ngoại Giao, Trương Đình Tri làm Bộ Trưởng Y Tế, Chu Bá Phượng coi Bộ Kinh Tế. Còn các Bộ quan trọng khác như Quốc Phòng, Nội Vụ, Thông Tin do phía Việt Minh nắm giữ.

Trong Quốc hội liên hiệp hình thành sau đó vào đầu năm 1946, Việt Nam Quốc Dân Đảng và các đảng phái quốc gia, kể cả Đồng Minh Hội chỉ giữ 70 ghế trong cuộc bầu cử ngày 6 tháng 1 năm 1946 do Việt Minh cộng sản đạo diễn. Theo nhận định của sử gia Phạm Văn Sơn, thì đây chỉ là một cuộc hợp tác bất đắc dĩ về phía Việt Minh, **để Hồ Chí Minh dễ dàng ký kết Hiệp Định Sơ Bộ Ngày 6 Tháng 3 Năm 1946 với Pháp**, như là kẻ hoãn binh để có thời gian củng cố uy thế quay lại tiêu diệt các chính đảng quốc gia và những nhà ái quốc Việt Nam không tuân phục Việt Minh.

Để củng cố uy thế về mặt cơ chế tổ chức chính quyền, ngày 27-5-1946, Hồ Chí Minh cho thành lập Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam để nắm giai cấp công nhân. Ngày 29-5-1946 thành lập Hội Liên Hiệp Quốc Dân Việt Nam, tức Mặt Trận Liên Việt, tiền thân của Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam, một tổ chức ngoại vi của Đảng CSVN để nắm các đoàn thể quần chúng. Ngày 11-8-1946 Việt Minh cho thành lập đảng Xã Hội Việt Nam, sau đó là đảng Dân chủ Việt Nam để trang trí bộ mặt dân chủ giả hiệu cho một chế độ thực chất là độc tài đảng trị phản dân chủ. Mặt khác, để tiêu diệt các đảng phái quốc gia trên bình diện pháp lý, ngày 5-9-1946 Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh giải tán các tổ chức gọi là tay sai Nhật như Đại Việt Quốc Gia Xã Hội Đảng, Đại Việt Quốc Dân Đảng. Một sắc lệnh khác ngày 12-9-1946 giải tán Việt Nam Hưng Quốc Thanh Niên và Việt Nam Ái Quốc Hội. Phản ánh ý đồ đen tối của Việt Minh, cuốn **“Lịch sử Việt Nam (1945-1975)”** do nhà xuất bản Giáo Dục Việt cộng ấn hành năm 1987 đã viết:

“Những năm 1945, 1946 tình hình chính trị trong nước rất phức tạp nên ngoài việc trấn áp bọn phản cách mạng, Chính Phủ Lâm Thời cũng có biện

pháp tạm thời thỏa hiệp, đưa một vài đại diện của Việt Nam Quốc Dân Đảng, Việt Nam Cách Mạng Đồng Chí Hội như Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam, Trương Đình Tri tham gia vào chính phủ lâm thời...”

Quả đúng như nhận định của sử gia Phạm Văn Sơn, ngay sau khi ký được Hiệp Ước Sơ Bộ ngày 6-3-1946, Việt Minh liền dốc toàn lực tiêu diệt Việt Nam Quốc Dân Đảng và các đảng phái quốc gia khác. Bởi vì Hiệp Ước Sơ Bộ này chỉ có lợi cho hai phe thực dân Pháp và Việt Minh (*mặt nạ của cộng đảng Việt Nam*), nhưng hoàn toàn bất lợi cho người Việt quốc gia.

Đối với Việt Minh cộng sản nhờ Hiệp Định Sơ Bộ Tháng 6 tháng 3, đã loại được quân Tàu của Thống chế Tưởng Giới Thạch, lãnh tụ Quốc Dân Đảng Trung Hoa, vốn hậu thuẫn cho Việt Nam Quốc Dân Đảng và các đảng phái quốc gia. Đồng thời cũng giúp Việt Minh có thêm thời gian củng cố được thế chính quyền để tiêu diệt phe quốc gia; bất động được các nước đồng minh vì đã thừa nhận chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh cầm đầu.

Đối với thực dân Pháp thì toan tính, nhờ Hiệp Định Sơ Bộ, Pháp đưa quân vào được Bắc Việt và giúp cho Việt Minh cộng sản thành lập được chính phủ, thì sau này Trung Hoa và Mỹ sẽ không còn lý do can thiệp vào Việt Nam. Bởi Pháp chủ quan tin rằng với ưu thế quân sự có thể đè bẹp được Việt Minh trong ít tháng sau đó. Với Hiệp Định Sơ Bộ, Việt Nam nằm trong khuôn khổ Liên Hiệp Pháp, người Pháp nghĩ rằng họ sẽ uy hiếp được Việt Minh. Do đó, thực tế ngay lúc đó, Pháp đã có hành động hợp tác với Việt Minh để cùng tiêu diệt phe quốc gia một cách tận tình. Bởi vì phe quốc gia vốn là thù nghịch cố hữu của Pháp, trước khi có thêm thù nghịch với Việt Minh cộng sản.

Chính vì những lợi ích vừa kể, theo sự tính toán của Pháp, mà Pháp đã đồng tình với Việt Minh, thu xếp cho phe quốc gia cùng ký vào Hiệp Định Sơ Bộ Tháng 6 tháng 3 năm 1946, để tránh sự phiền phức với đồng minh, là Pháp có thể bị coi là đã hợp tác với một chính phủ cộng sản. Vì hiểu dụng ý trên đây của thực dân Pháp và Việt Minh, nên hai ông Nguyễn Hải Thần và Nguyễn Tường Tam đã kịp lánh mặt vượt thoát qua Tàu. Ông Vũ Hồng Khanh, một trong những lãnh tụ hàng đầu Việt Nam Quốc Dân Đảng còn ở lại trong nước, đã ký tên vào Hiệp ước Sơ bộ, để rồi phải gánh chịu trách nhiệm trước lịch sử, trước quốc dân và trước chính đảng của Ông. Theo nhận định của sử gia Phạm Văn Sơn, thì *“Sơ Ước 6-3 thành tựu đã là cái hố chôn vùi sự nghiệp của những người quốc gia ở đây và làm đảo lộn cả tình thế chính trị đang có lợi chung...”*

Sau khi tiêu diệt được phe quốc gia, Việt Minh cộng sản đã độc chiếm chính phủ lâm thời, phát động và chủ đạo tiến hành cuộc kháng chiến 9 năm cuối cùng chống thực dân Pháp sau đó (1945-1954).

II. ĐẾN CUỘC KHÁNG CHIẾN CUỐI CÙNG CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946-1954)

Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp giành độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam gắn liền với từng bước chân của quân xâm lược Pháp. Từ những ngày đầu khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, các cuộc kháng chiến của mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu yêu nước mang ý thức hệ quốc gia, đã liên tục nổ ra ở nhiều nơi.

Năm 1930 đảng Cộng sản Việt Nam (CSVN) do Ông Hồ Chí Minh đứng ra thành lập ở Hong-Kong Trung quốc, theo lệnh của Đệ tam quốc tế cộng sản. Từ đó, trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, có thêm lực lượng kháng chiến chống Pháp do đảng CSVN lãnh đạo, nhưng khác ý đồ. **Người Việt quốc gia kháng chiến chống Pháp để giành độc lập dân tộc. Việt Minh cộng sản chống Pháp giành độc lập dân tộc chỉ là chiêu bài “ngụy dân tộc” để đạt mục tiêu giai đoạn cướp chính quyền, tiến đến mục tiêu tối hậu cộng sản hóa Việt Nam (*).** Vì thế từ đó dẫn đến sự xung đột ý thức hệ giữa các nhà lãnh đạo kháng chiến chống Pháp mang ý thức hệ quốc gia và ý thức hệ cộng sản. Để lôi kéo quần chúng tham gia kháng chiến dưới sự chủ đạo của mình, hai bên Quốc-Cộng đã tuyên truyền chống phá lẫn nhau ngày một lan rộng trong nhân dân biến cuộc xung đột ý thức hệ cục bộ trong hàng ngũ lãnh đạo kháng chiến thành cuộc nội chiến ý thức hệ toàn bộ giữa người Việt Nam theo ý thức hệ quốc gia (*gọi tắt là Việt Quốc*) và người Việt Nam theo ý thức hệ cộng sản (*gọi tắt là Việt Cộng*). Trong 9 năm cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Pháp giành độc lập dân tộc, đảng CSVN đã loại trừ được vai trò lãnh đạo của các nhà ái quốc và các chính đảng quốc gia, dành quyền chủ đạo kháng chiến khởi đi từ biến cố Tháng 8 năm 1945.

Thật vậy, sau khi ký được Hiệp Định Sơ Bộ ngày 6-3-1946 với Pháp, Việt Minh đã thực hiện chính sách hai mặt: Một mặt dốc toàn lực tiêu diệt Việt Nam Quốc Dân Đảng và các đảng phái quốc gia khác rất tàn bạo ở khắp nơi. Mặt khác đối với quân Pháp thì Việt Minh ve vuốt, tuyên truyền là **“Pháp Mới”**, **“Pháp Dân Chủ”** và để cho quân đội Pháp từ Hải Phòng kéo lên Hà Nội trước sự bỡ ngỡ của dân chúng Hà Nội lúc bấy giờ.

Trong khi cuộc Hội Nghị tại Đà Lạt từ ngày 24 - 4 đến 11-5-1946 thất bại, thì phái đoàn Phạm Văn Đồng đã có mặt tại Pháp để tham dự Hội Nghị

Fontainebleau dưới sự chỉ đạo trực tiếp của ông Hồ Chí Minh, cũng có mặt tại Pháp lúc bấy giờ, nhưng lánh mặt để dễ bề né tránh những điều khó xử. Do lập trường khác biệt không thể thỏa hiệp, hội nghị Fontainebleau đã tan vỡ vào ngày 19-12-1946. **Việt Minh phát động một cuộc kháng chiến toàn dân chống Pháp vào ngày 23 tháng 12 năm 1946.** Cuộc kháng chiến này do Việt Minh chủ đạo tiến hành, với sự tham gia của mọi tầng lớp nhân dân yêu nước có chung khát vọng độc lập dân tộc. Thế nhưng đã bị Việt Minh cộng sản lợi dụng lòng yêu nước của họ để thành đạt mục tiêu giai đoạn của mình (*cuớp chính quyền...*). Vì thế sau khi đã loại trừ các chính đảng Quốc gia, Việt Minh cộng sản đã độc quyền lãnh đạo cuộc kháng chiến 9 năm chống Pháp cuối cùng và đã kết thúc vào năm 1954 sau khi Pháp thất thủ tại căn cứ quân sự chiến lược Điện Biên Phủ, đưa đến việc ký kết Hiệp Định Genève chia đôi đất nước vào ngày 20 tháng 7 năm 1954 giữa Việt Minh và thực dân Pháp. **Vì chính quyền quốc gia của vua Bảo Đại, với Thủ tướng chính phủ Ngô Đình Diệm đã không ký vào Hiệp định này,** nên chỉ có hệ quả như là quân xâm lược Pháp (*kẻ cuớp nước*) đã mất một nửa thuộc địa Miền Bắc trên vĩ tuyến 17 cho Việt Minh cộng sản (*phường bán nước cho cộng sản quốc tế Nga-Tàu*); còn một nửa nước Miền Nam dưới vĩ tuyến 17, Pháp buộc lòng phải trao trả độc lập hoàn toàn cho chính quyền chính thống quốc gia Nam Triều của Quốc trưởng Bảo Đại, mà trước đó Pháp đã phải trao trả độc lập từng phần cho chính quyền này.

Thật vậy, sau khi hội nghị Fontainebleau tan vỡ vào ngày 19-12-1946, Việt Minh bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp. Thanh thế của lực lượng kháng chiến Việt Minh cộng sản mỗi ngày một mạnh, phát triển từ chiến tranh du kích tiến dần đến chiến tranh qui ước khi Việt Minh đã có những đơn vị bộ đội chính quy các cấp Tiểu đoàn, Trung Đoàn, Sư đoàn, được Liên Xô, Trung cộng trang bị vũ khí, hỗ trợ hậu cần. Việt Minh đã mở được các trận đánh qui mô lớn nhỏ, từng bước lần chiếm mở rộng vùng kiểm soát gọi là “**vùng tự do**” (*trương tự vùng giải phóng trong chiến tranh Quốc-Cộng sau này*) theo chiến thuật “*chiếm nông thôn bao vây thành thị*” của lãnh tụ cộng đảng Trung Hoa Mao Trạch Đông. Hệ quả là Pháp mất dần hầu hết các vùng nông thôn, chỉ còn quyền cai trị nơi các thành thị gọi là “**vùng tề**”. Trước tình thế này, Pháp đã nghĩ đến “**giải pháp Bảo Đại**”. Theo đó, Pháp sẽ trao trả độc lập từng phần cho một chính quyền quốc gia với vua Bảo Đại là Quốc Trưởng, với ý đồ lôi kéo sự ủng hộ, liên kết được các chính đảng quốc gia và người dân Việt Nam chống cộng (*thực tế một số cá nhân và chính đảng quốc gia đã tham chính sau khi rời bỏ kháng chiến về thành,*

tiếng lóng “đinh tê” là về “vùng tê” do Pháp cai trị...); và tìm sự hậu thuẫn quốc tế nơi các cường quốc tư bản chống cộng đang ở thế đối đầu trong cuộc chiến tranh ý thức hệ toàn cầu hình thành sau Thế Chiến II, giữa tư bản chủ nghĩa đứng đầu là Hoa Kỳ và cộng sản chủ nghĩa, đứng đầu là tân đế quốc cộng sản Liên Xô (thực tế Hoa Kỳ đã viện trợ quân sự cho Pháp đánh Việt Minh cũng vì lợi ích chống cộng...)

Để thực hiện giải pháp chiêu dụ này, Hiệp định sơ bộ ngày 5-6-1948 ký tại vịnh Hạ Long giữa chính phủ Pháp và chính phủ quốc gia lâm thời đầu tiên Nguyễn Văn Xuân với sự chứng kiến của Vua Bảo Đại. Tiếp theo sau nhiều thương lượng đôi bên cuối cùng Hiệp Định Hạ Long được sửa đổi và được ký kết vào ngày 8-3-1949 tại điện Elysée Pháp quốc giữa vua Bảo Đại và Tổng thống Pháp Vincent Auriol. Theo đó “*Nước Pháp long trọng thừa nhận nền độc lập của nước Việt Nam và Việt Nam có quyền thực hiện thống nhất. Nước Việt Nam công bố gia nhập khối Liên Hiệp Pháp với tư cách là một nước độc lập trong Liên hiệp với nước Pháp...*”. Ngày 23-4-1949 Hội Đồng Lãnh đạo gồm 50 hội viên Pháp-Việt đã biểu quyết sát nhập Nam Kỳ quốc thuộc địa trở về lãnh thổ Việt Nam. Trước áp lực của tình thế, chính phủ Pháp đã phải trao trả dần chủ quyền đối nội cũng như đối ngoại cho chính phủ quốc gia Việt Nam. Sau khi thất trận Điện Biên Phủ, ngày 4-6-1954 Thủ tướng Pháp Joseph Laniel mới ký kết với Thủ tướng chính phủ quốc gia Việt Nam là Hoàng thân Bửu Lộc một Hiệp Định xác nhận “**Việt Nam hoàn toàn độc lập**”.

Sau này ông Hồ và đảng CSVN luôn tự hào về cuộc kháng chiến 9 năm chống Pháp, như là công trạng độc quyền giành độc lập cho đất nước và dân tộc. Thế nhưng thực tế cũng như thực chất không phải như vậy, mục tiêu kháng chiến của Việt Minh không phải là giành độc lập cho dân tộc, mà là giành thuộc địa kiểu mới cho các tân đế quốc đỏ Nga-Tàu trong bối cảnh cuộc chiến tranh ý thức hệ toàn cầu giữa hai khối cộng sản và tư bản hình thành sau Thế Chiến II.

Vì rằng, lịch sử và thực tế sau đó đã có nhiều bằng chứng cho thấy cuộc kháng chiến 9 năm do Việt Minh phát động và chủ đạo tiến hành, là không cần thiết và là một sự tiêu hao nhân lực, tài nguyên đất nước và xương máu của nhân dân một cách vô ích.

Bởi vì, sau Thế Chiến II, phong trào giải thực đã là xu thế tất yếu của thời đại, khi chủ nghĩa thực dân cũ đã bước vào thời kỳ suy tàn đi đến cáo chung. Thực tế, nếu không có hiểm họa cộng sản trên phạm vi toàn cầu, **nếu Việt**

Nam không có Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản của ông ta, thì Việt Nam đã được trao trả độc lập ngay sau khi Nhật đầu hàng Đồng Minh và tình hình Việt Nam đã phát triển theo chiều hướng khác tốt đẹp cho dân cho nước.

Theo chiều hướng này, Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim có thể đổ, nhưng một chính quyền quốc gia chính thống, chính danh khác có uy thế và năng lực lãnh đạo Đất Nước sẽ hình thành; dù là chế độ Quân Chủ Lập Hiến hay chế độ Dân chủ hoàn toàn, thì Việt Nam cũng sẽ được các cường quốc mới như Hoa Kỳ và đồng minh hỗ trợ. Nhờ đó chính quyền này sẽ ngăn cản được thực dân Pháp trở lại thống trị Việt Nam và các nước Đông Dương. Đồng thời, Việt Nam sẽ tránh được tình trạng chia đôi đất nước, rơi vào thế gọng kìm của cuộc chiến tranh ý thức hệ toàn cầu giữa cộng sản và tư bản dẫn đến cuộc nội chiến Quốc-Cộng “*nồi da sáo thịt*” đẫm máu sau này (1954-1975)

Chính vì hiểm họa cộng sản, mà Hoa Kỳ dù trên nguyên tắc chống lại chính sách khai thác thuộc địa kiểu cũ của các đế quốc nói chung, thực dân Pháp nói riêng; song thực tế vẫn đã phải làm ngơ cho Pháp quay trở lại thuộc địa Việt Nam và sau đó còn viện trợ ít nhiều cho Pháp chống trả Việt Minh. Trên thực tế, dù trong bối cảnh cuộc chiến tranh ý thức hệ toàn cầu giữa cộng sản chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, song chiều hướng mới đã buộc các đế quốc có thuộc địa như Pháp, Anh, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha. . . đã phải lần lượt trao trả độc lập cho các dân tộc bị trị, dù họ đã không cần tiến hành một cuộc kháng chiến hao tổn nhiều xương máu nhân dân và tài lực đất nước như ông Hồ và đảng Cộng sản Việt Nam đã làm sau cuộc kháng chiến 9 năm chống Pháp. Điển hình một số nước trong vùng Châu Á đã lần lượt được các đế quốc thực dân trao trả độc lập sau Thế Chiến II: Philippine (1946), Malaysia (1945), Indonesia (1945), Ấn Độ và Pakistan (1947), Triều Tiên (1945)...

Hệ quả tệ hại hơn nữa là, dù Pháp đã phải rời bỏ thuộc địa Việt Nam sau hơn 80 năm khai thác, song Việt Nam đã không có được độc lập, tự chủ thực sự. Bởi vì sau kháng chiến 9 năm do Việt Minh phát động, chủ đạo tiến hành, Việt Nam đã rơi vào thế gọng kìm của cuộc chiến tranh ý thức hệ toàn cầu. Hiệp định Genève ký kết giữa Pháp và Việt Minh đã chia đôi đất nước: Miền Bắc Việt Nam (*cộng sản*) và Miền Nam Việt Nam (*quốc gia*) đã trở thành công cụ chiến lược một thời của hai phe cộng sản (*Nga- Tàu và các nước CS chư hầu*) và phe tư bản (*Mỹ và các đồng minh cường quốc tư bản*), đưa Việt Nam vào một giai đoạn chiến tranh khốc liệt (1954-1975) của cuộc

nội chiến ý thức hệ Quốc-Cộng khởi sự từ khi chủ nghĩa cộng sản du nhập Việt Nam với sự ra đời của đảng CSVN ngày 3-2-1930. giới (!?!).

III/- KẾT LUẬN.

Tựu chung, nếu chủ nghĩa cộng sản không du nhập Việt Nam và không có những môn đồ cộng sản cuồng tín như Hồ Chí Minh và các thế hệ đảng viên đảng CSVN; đã tri tình làm công cụ bành trướng cho cộng sản quốc tế, thì Việt Nam đã có độc lập từ lâu (*từ khi Nhật trao trả độc lập cho vua Bảo Đại với chính phủ Trần Trọng Kim vào năm 1945*) và nhân dân Việt Nam đã không phải hao tổn quá nhiều xương máu, đất nước không bị tàn phá nặng nề, qua cuộc “*tiêu thổ kháng chiến*” 9 năm chống Pháp không cần thiết, do Việt Minh phát động và chủ đạo tiến hành (1946 - 1954) và sau đó qua cuộc chiến tranh Quốc-Cộng “*cốt nhục tương tàn*” hơn 20 năm (1954 – 1975) do cộng sản Bắc Việt gây ra. Cả hai cuộc chiến tranh trước sau này Việt Minh hay Việt cộng đều không nhằm giành độc lập cho dân tộc, mà chỉ “**ngụy dân tộc**” để khơi dậy lòng yêu nước và tinh thần chống ngoại xâm của toàn dân góp máu xương và của cải cho mục tiêu tối hậu là cộng sản hóa toàn cõi Việt Nam, nô dịch hóa dân tộc và chịu sự lãnh đạo tuyệt đối của cộng sản quốc tế đứng đầu là cộng sản Liên Xô, với sự cạnh tranh ngôi vị bá chủ của Tàu cộng.

Vậy thì ông Hồ Chí Minh và đảng Cộng sản Việt Nam có công hay có tội với đất nước? – Chẳng cần đợi chính sử dân tộc mai này phán xét, khách quan ai cũng có thể tìm được câu trả lời chính xác ngay từ bây giờ. Bởi vì không ai có thể “**làm tôi hai chủ**”. Việt Minh cộng sản hay Việt cộng không thể cùng lúc tôn thờ, phục vụ lợi ích cho hai “**Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Liên Xô**”(quốc tế cộng sản) và “**Tổ Quốc Việt Nam**”(độc lập dân tộc); cũng không thể cưỡng ép nhân dân “**yêu nước phải yêu chủ nghĩa xã hội**” như sự áp đặt của các báo cáo viên trong các lớp “*học tập chính trị*” ở Miền Nam Việt Nam sau ngày 30-4-1975; ngày cộng sản Bắc Việt cưỡng chiếm Miền Nam bằng bạo lực quân sự, cộng sản hóa cả nước, vi phạm trắng trợn cả hai Hiệp Định Genève 1954 và Hiệp Định Paris 1973 mà họ đã ký kết.

Thiện Ý

Houston, ngày 19-8-2018

(*) Khi thành lập ngày 3-2-1930, đảng CSVN đã đưa ra chính cương và sách lược đấu tranh gồm hai giai đoạn: (1) Làm “**Cách mạng Dân tộc dân chủ nhân dân**” để giải quyết mâu thuẫn dân tộc (*với thực dân pháp*) để giành chính quyền; bước vào giai đoạn (2) làm “**cách mạng xã hội chủ**

nghĩa” nhằm giải quyết mâu thuẫn giai cấp (*giai cấp vô sản với các giai cấp tư sản trong toàn xã hội như “trí, phú, địa, hào, đào tận gốc, trốc tận ngọn”...*) để xây dựng xã hội **“xã hội chủ nghĩa”** (*còn giai cấp...*) tiến tới **“xã hội cộng sản”** (*không còn giai cấp...*)!?!)